

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hán - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124A/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 15/TB-TA, ngày 25 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích N, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số 38/133 VV, phường H, Quận LC, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông Maeda Y, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 5-2 Shiginonishi, Jotoku, Osaka shi, Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn nhận ngày 25/10/2021, đơn khởi kiện bổ sung nhận ngày 11/11/2021, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trần Thị Bích N trình bày:

Bà N và ông Maeda Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng ngày 25/8/2001; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn bà N và ông Maeda Y chung sống với nhau được 01 tuần ở khách sạn Tray tại Hải Phòng. Đến cuối năm 2002, bà N sang Nhật Bản để đoàn tụ với ông Maeda Y nhưng không được định cư lâu dài tại Nhật Bản nên bà N lại quay trở về Việt Nam. Thời gian đầu, sau khi về Việt Nam giữa bà N và ông Maeda Y vẫn còn liên lạc với nhau nhưng sau đó do khoảng cách địa lý nên ít dần và sau này không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nhiều năm nay. Do vậy tình cảm giữa bà N và ông Maeda Y không còn. Nay nhận thấy quan hệ vợ chồng chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Maeda Y.

Về quan hệ con chung và tài sản chung: Bà N xác nhận, quá trình chung sống bà N và ông Maeda Y không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Maeda Y vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà N được ly hôn với ông Maeda Y; về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung, bà N không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Bà N vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Maeda Y vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp Việt Nam cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án, thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa bà N và ông Maeda Y cho ông Maeda Y. Ngày 28/12/2021, Tòa án nhận được văn bản trả lời số 2492/CH-BTP ngày 10/12/2021 của Bộ Tư pháp về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho Bộ ngoại giao Nhật Bản để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Ngày 26/5/2022, Tòa án tiếp tục nhận được Công văn số 1240/BTP-PLQT ngày 13/5/2022 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Nhật Bản không thực hiện được ủy thác tư pháp vì địa chỉ không đầy đủ. Tòa án đã tiến hành thông báo cho ông Maeda Y trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam, nhưng sau 01 tháng, Tòa án không nhận được phản hồi của ông Maeda Y nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Maeda Y theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích N và ông Maeda Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp, thành phố Hải Phòng ngày 25/8/2001 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hoà thuận trong thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do khoảng cách địa lý giữa hai bên. Ông Maeda Y không thể bảo lãnh cho bà N sang sinh sống tại Nhật Bản để vợ chồng đoàn tụ. Ông Maeda Y cũng không về Việt Nam chung sống cùng bà N. Do khoảng cách địa lý nên tình cảm hai bên ngày càng phai nhạt và không còn quan tâm liên lạc với nhau trong nhiều năm. Xét thấy yêu cầu của bà N được ly hôn với ông Maeda Y phù hợp với tình trạng mối quan hệ giữa hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp theo quy định pháp luật - Điều 146; khoản 4 Điều 147, Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, Điều 153, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Bích N được ly hôn với ông Maeda Y.

2. Về quan hệ nuôi con chung và tài sản chung: Bà Trần Thị Bích N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và các chi phí tố tụng khác, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng và số tiền ủy thác tư pháp là 200.000 đồng tại Biên lai thu số 0000067, ngày 27/10/2021, Biên lai thu số 0000068, ngày 27/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Phiếu thu ngày 03/8/2022 của Ban đối ngoại, Đài tiếng nói Việt Nam (3.000.000 đồng). Bà Trần Thị Bích N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bà Trần Thị Bích N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, ông Maeda Y có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sơ Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Phương